ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI ĐỊA PHƯƠNG: NGHIÊN CỨU TẠI TỈNH LONG AN GIAI ĐOẠN 2018-2024

TS. Nguyễn Việt Hồng Anh* - ThS. Nguyễn Thị Kim Phụng* - ThS. Hà Đức Thuỷ**

Nghiên cứu đánh giá mức độ phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) của tỉnh Long An giai đoạn 2018-2024 dựa trên bộ chỉ số đánh giá trình độ phát triển KT-XH của Việt Nam do Tổng cục Thống kê công bố, gồm ba khía cạnh: kinh tế, xã hội và môi trường. Kết quả cho thấy chỉ số trung bình của tỉnh đạt 51,33/100, phản ánh mức phát triển trung bình; trong đó, kinh tế là trụ cột chính, còn xã hội và môi trường phát triển chậm hơn. Các chỉ tiêu như tỷ lệ đô thị hóa, lao động qua đào tạo, và thu nhập bình quân vẫn thấp hơn chuẩn của tỉnh phát triển. Nghiên cứu đề xuất một số hàm ý chính sách nhằm hướng tới phát triển bền vững và cân bằng hơn giữa tăng trưởng, phúc lợi và bảo vệ môi trường.

• Từ khóa: *tăng trưởng, phúc lợi, bảo vệ môi trường.*

Research assessing the socio-economic development level of Long An province from 2018 to 2024, utilizing the socio-economic development index of Vietnam published by the General Statistics Office, including three dimensions: economy, society, and environment. The findings indicate that the provincial average index is 51.33/100, signifying a moderate level of development; in this context, the economy serves as the primary foundation, whereas social and environmental progress occurs at a slower pace. Metrics such as urbanization rate, skilled workforce, and average income remain inferior to the benchmarks of a developed province. The study presents some policy implications for sustainable development and a more equitable balance among growth, welfare, and environmental protection.

• Key words: *growth, welfare, environmental protection.*

Ngày nhận bài: 20/11/2025
Ngày gửi phản biện: 05/01/2026
Ngày duyệt đăng: 15/01/2026

DOI: https://doi.org/10.71374/jfarv.v26.i306.02

1. Giới thiệu

Để theo dõi và thúc đẩy phát triển kinh tế ở cấp quốc gia và địa phương, việc xây dựng chỉ số tổng hợp đánh giá trình độ phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) là cần thiết. Chỉ số này không chỉ giúp lượng hóa kết quả phát triển mà còn là công cụ quản lý, hỗ trợ lập kế hoạch và xây dựng chính sách phù hợp. Trước đây, GDP được coi là thước đo chính của sự tiến bộ kinh tế. Tuy nhiên, GDP chỉ phản ánh giá trị kinh tế, không phản ánh đầy đủ khía cạnh xã hội, công bằng và môi trường, cũng như không thể hiện mức độ phân bổ lợi ích giữa các nhóm dân cư. Việc sử dụng GDP làm tiêu chí duy nhất vì thế ngày càng bộc lộ hạn chế trong việc đánh giá chất lượng tăng trưởng và phúc lợi xã hội.

Tại Việt Nam, quá trình thực hiện các Nghị quyết phát triển KT-XH gắn liền với nhiều hệ thống chỉ tiêu như Bộ chỉ tiêu phát triển bền vững (158 chỉ tiêu), Bộ chỉ tiêu thống kê KT-XH phục vụ điều hành (200 chỉ tiêu) và hệ thống chỉ tiêu cấp tỉnh (154 chỉ tiêu). Tuy nhiên, sự đa dạng này khiến việc tổng hợp, theo dõi và so sánh mức độ phát triển giữa các địa phương trở nên phức tạp, thiếu tính khái quát. Trong những năm gần đây, nhiều nghiên cứu trong nước đã đề xuất chỉ số tổng hợp phát triển KT-XH cấp tỉnh (Nguyễn Huy Lương, 2021; Nguyễn Văn Thắng, 2024), phản ánh nỗ lực hoàn thiện công cụ đo lường phát triển đa chiều.

Trên cơ sở đó, nghiên cứu này sử dụng bộ chỉ số đánh giá trình độ phát triển KT-XH của Việt Nam do Tổng cục Thống kê xây dựng, đồng thời bổ sung tiêu chí "tỷ lệ nguồn thu thuế bảo vệ môi trường trên tổng thu ngân sách" (ENV3) để phản ánh yếu tố tài khóa xanh. Việc hình thành chỉ số tổng hợp này giúp đánh giá toàn diện, hệ thống và so sánh theo thời gian về trình độ phát triển KT-XH của tỉnh Long An giai đoạn 2018-2024, làm cơ sở xây dựng chính sách phát triển phù hợp và bền vững hơn.

2. Tổng quan về sự phát triển kinh tế - xã hội

2.1. Khái niệm phát triển kinh tế - xã hội

Phát triển nền kinh tế là quá trình tăng tiến toàn diện và về mọi mặt. Cụ thể, phát triển kinh tế được đánh giá thông qua các tiêu chí khác nhau,

** Trường Đại học Tài chính - Marketing; email: nvhanh@ufm.edu.vn - phunghoang1504@ufm.edu.vn*
*** Trường Cao đẳng Thống kê II; email: ducthuy.cos2@gmail.com*

bao gồm: Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước, Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo, Tỷ lệ đô thị hóa, Tổng đầu tư xã hội bình quân, Nợ công, Đóng góp của Năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng, Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân, Giảm tiêu hao năng lượng tính trên đơn vị GDP. Theo Todaro & Smith (2020) phát triển kinh tế là một quá trình đa chiều liên quan đến những thay đổi lớn trong cấu trúc xã hội, thái độ của người dân và các thể chế quốc gia, cũng như việc đẩy nhanh tăng trưởng kinh tế, giảm bất bình đẳng và xóa đói giảm nghèo". Tương tự, Panth (2020) cho rằng phát triển kinh tế được hiểu là quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế bằng cách đưa vào áp dụng nhiều công nghệ cơ giới hóa và hiện đại hơn để tăng năng suất lao động, việc làm, thu nhập và mức sống của người dân. Phát triển kinh tế phải đi kèm với việc cải thiện cơ sở hạ tầng, cũng như các yếu tố xã hội, chính trị và thể chế để tạo điều kiện chuyển đổi nền kinh tế.

Ngô Thắng Lợi (2021) tóm tắt quan điểm phát triển xã hội của Liên hiệp quốc tại Hội nghị Thượng đỉnh Thế giới về Phát triển Xã hội (WSSD), theo đó phát triển xã hội là quá trình tăng lên của tài sản và khả năng của cá nhân để cải thiện phúc lợi xã hội. Phát triển xã hội cũng là quá trình gia tăng năng lực của các nhóm xã hội và gia tăng khả năng của xã hội trong việc hài hòa lợi ích xã hội.

2.2. Các chỉ số đo lường sự phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam

Tại Việt Nam, nội dung đánh giá các chỉ tiêu phát triển KT-XH được thực hiện theo Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII. Theo Văn kiện thì Chiến lược phát triển KT-XH 10 năm giai đoạn 2021-2030, các mục tiêu về phát triển KT-XH được đánh giá thông qua các chỉ tiêu sau:

Bảng 1: Chỉ tiêu về phát triển kinh tế - xã hội

Các chỉ tiêu về kinh tế	Các chỉ tiêu về xã hội	Các chỉ tiêu về môi trường
- Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP) bình quân; - GDP bình quân đầu người theo giá hiện hành - Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trên GDP - Kinh tế số đạt trên GDP. - Tỷ lệ đô thị hóa - Tổng đầu tư xã hội bình quân trên GDP; - Nợ công không trên GDP. - Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng - Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân - Giảm tiêu hao năng lượng tính trên đơn vị GDP	Chỉ số phát triển con người (HDI) - Tuổi thọ bình quân đạt - Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ - Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội	- Tỷ lệ che phủ rừng - Tỷ lệ xử lý và tái sử dụng nước thải ra môi trường lưu vực các sông - Giảm lượng phát thải khí nhà kính. - Cơ sở sản xuất kinh doanh đạt quy chuẩn về môi trường. - Tăng diện tích các khu bảo tồn biển, ven biển

Nguồn: Nhóm nghiên cứu tổng hợp

3. Dữ liệu và phương pháp nghiên cứu

3.1. Dữ liệu

Nghiên cứu này xây dựng chỉ số đánh giá trình độ phát triển KT-XH cho tỉnh Long An trong giai đoạn 2018 - 2024. Các dữ liệu thứ cấp từ 2018-2023 được thu thập chủ yếu từ Niên giám Tổng Cục Thống kê, Cục Thống kê của tỉnh Long An, Cổng Thông tin điện tử tỉnh Long An và các nguồn dữ liệu khác trong giai đoạn 2018-2024 (Tổng cục Thống kê, 2024; UBND tỉnh Long An, 2024). Ngoài ra, nghiên cứu còn sử dụng thông tin về các chỉ tiêu chủ yếu từ Nghị quyết số 103/2023/QH15 của Quốc hội về Kế hoạch phát triển KT-XH năm 2024 (Quốc hội, 2023), Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới Trung ương, Bộ Tài nguyên và Môi trường, và dữ liệu tính toán của Nguyễn Huy Lương (2021). Cuối cùng, các dữ liệu về phân loại thu nhập người dân trên thế giới dựa trên tổng thu nhập quốc dân (GNI) trung bình đầu người, thu nhập (GDP) bình quân đầu người được lấy từ cơ sở dữ liệu của Ngân hàng Thế giới (World Bank, n.d.). Dữ liệu về tỷ giá hối đoái được lấy từ cơ sở dữ liệu của Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF). Các dữ liệu của năm 2024 sẽ được sử dụng là số sơ bộ, nếu chưa có dữ liệu sơ bộ thì nhóm tác giả sẽ nội suy các số liệu này.

3.2. Phương pháp nghiên cứu

Kế thừa nghiên cứu của Nguyễn Huy Lương (2021), nghiên cứu này sử dụng các chỉ số đánh giá trình độ phát triển KT-XH của Long An gồm 10 tiêu chí thành phần bao gồm ba lĩnh vực (khía cạnh) là kinh tế (eco), xã hội (soc) và môi trường (env), cụ thể:

- *Trình độ phát triển lĩnh vực kinh tế (eco):* Thu nhập bình quân đầu người (eco1); Tỷ lệ đô thị hóa (eco2); Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới (eco3); Tỷ lệ lao động trong các ngành phi nông lâm thủy sản (eco4).

- *Trình độ phát triển lĩnh vực xã hội (soc):* Tỷ lệ lao động đang làm việc qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (soc1); Tuổi thọ trung bình của dân số (soc2); Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều (so3); Hệ số bất bình đẳng thu nhập (GINI) (so4).

- *Trình độ phát triển lĩnh vực môi trường (env):* Tỷ lệ diện tích rừng hiện có so với tổng diện tích đất lâm nghiệp (env1); Tỷ lệ hộ dân cư được sử dụng nước sinh hoạt sạch và hợp vệ sinh (env2).

Nghiên cứu đề xuất bổ sung tiêu chí thứ ba trong khía cạnh môi trường - *tỷ lệ nguồn thu thuế bảo vệ môi trường trên tổng thu ngân sách (env3)* - nhằm phản ánh vai trò của chính sách tài khóa xanh trong bối cảnh toàn cầu hóa. Toàn cầu hóa tài chính tạo điều kiện huy động vốn cho các lĩnh vực thân thiện

môi trường như năng lượng tái tạo, công nghệ thông tin và nông nghiệp bền vững, song đồng thời cũng thúc đẩy đầu tư vào các ngành gây ô nhiễm, làm gia tăng rủi ro suy thoái sinh thái. Trước thách thức đó, nhiều quốc gia, đặc biệt là nhóm G7, đã áp dụng thuế môi trường như một công cụ chính sách hiệu quả nhằm hạn chế sử dụng nhiên liệu hóa thạch, khuyến khích năng lượng sạch và hỗ trợ nghiên cứu - phát triển (R&D) về công nghệ xanh. Thuế môi trường góp phần điều chỉnh hành vi tiêu dùng, giảm phát thải, và hướng tới mục tiêu trung hòa carbon, đồng thời hỗ trợ thực hiện các Mục tiêu Phát triển bền vững (SDGs), đặc biệt là mục tiêu số 7 (năng lượng sạch) và 13 (hành động vì khí hậu). Do đó, việc bổ sung tiêu chí env3 giúp phản ánh rõ hơn năng lực điều tiết môi trường trong đánh giá phát triển KT-XH cấp địa phương.

Quy trình xây dựng chỉ số Sn bao gồm các bước chính: (1) thu thập dữ liệu và tính toán kết quả đạt được của từng tiêu chí thành phần cho năm đánh giá (n) trên phạm vi toàn quốc, vùng hoặc tỉnh; (2) xác định trọng số dựa trên kết quả của từng tiêu chí; (3) tổng hợp và tính toán chỉ số phát triển tổng quát cùng các chỉ số thành phần theo thang điểm 100; (4) xếp hạng các tỉnh hoặc các vùng (trong trường hợp đánh giá mức độ phát triển của vùng hoặc tỉnh).

4. Kết quả chỉ số đo lường thực trạng phát triển KT-XH Long An

Hình 1. Đồ thị về điểm số cho chỉ số phát triển KT-XH của Long An

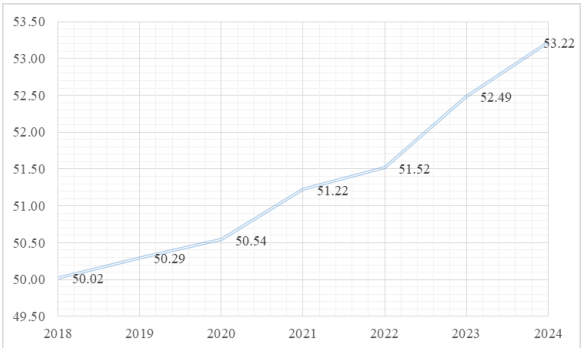

Nguồn: Tính toán của nhóm nghiên cứu

Hình 1 cho thấy đến năm 2018, trình độ phát triển KT-XH của tỉnh Long An so với chuẩn của nước (địa phương) phát triển, có thu nhập cao đạt 50.02/100 điểm (bằng 50.02% điểm chuẩn), năm 2019 đạt 50.29/100 điểm (bằng 50.29%), năm 2020 đạt 50.54/100 điểm (bằng 50.54%), năm 2021 đạt 51.22/100 điểm (bằng 51.22%), năm 2022 đạt 51.52/100 điểm (bằng 51.52%), năm 2023 đạt 52.49/100 điểm (bằng 52.49%), năm 2024 sơ bộ đạt 53.22/100 điểm (bằng 53.22%). Nhìn chung, bình quân 7 năm của giai đoạn 2018 - 2024 thì tỉnh Long An đạt 51.33/100 điểm (bằng 51.33%) với mỗi năm tỉnh Long An tăng được 1.33 điểm/năm.

Về trình độ phát triển thì tỉnh Long An có mức phát triển trung bình vì chỉ số hàng năm đạt từ 50 điểm đến dưới 65 điểm. Đồng thời, giai đoạn từ năm 2018 đến năm 2024 chỉ số trung bình ở mức là 51.33 điểm nên mức độ phát triển KT-XH của Long An trong giai đoạn này là mức trung bình. Kết quả phân tích của nhóm nghiên cứu phù hợp với kết luận khi tính toán cho cấp tỉnh mà cụ thể là khi đánh giá cho Long An vào năm 2020, 2021 và 2022 từ những công trình trước (Nguyễn Huy Lương, 2021).

Bảng 2. Số điểm tương ứng kết quả từng tiêu chí của Long An

TT	Tiêu chí	Ký hiệu	2018	2019	2020	2021	2022	2023	2024
1	Thu nhập bình quân đầu người theo giá so sánh (triệu đồng)	eco1	2.47	2.48	2.50	2.43	2.52	2.54	2.52
2	Tỷ lệ đô thị hóa (%)	eco2	3.05	2.76	3.13	3.13	3.14	3.14	3.11
3	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới (%)	eco3	6.00	5.48	7.69	7.64	7.61	7.45	7.31
4	Tỷ lệ lao động đang làm việc trong các ngành phi nông, lâm, thủy sản (%)	eco4	7.02	6.94	7.52	7.09	8.44	8.60	7.90
5	Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ từ sơ cấp trở lên (%)	soc1	2.85	3.05	2.86	2.86	3.01	3.01	3.01
6	Tuổi thọ trung bình của dân số tính từ lúc sinh (tuổi)	soc2	2.30	2.29	2.31	2.30	2.30	2.30	2.29
7	Tỷ lệ nghèo đa chiều	soc3	5.91	5.89	7.40	5.96	7.41	7.45	5.94
8	Hệ số bất bình đẳng trong phân phối thu nhập (GINI)	soc4	3.21	3.38	3.07	3.12	3.12	3.12	3.16
9	Tỷ lệ diện tích rừng hiện có so với tổng diện tích đất lâm nghiệp (%)	env1	7.20	7.20	4.55	7.20	4.55	4.55	7.20
10	Tỷ lệ dân số được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh (%)	env2	4.53	4.55	6.01	4.49	6.05	6.05	4.54
11	Tỷ lệ nguồn thu thuế bảo vệ môi trường trên tổng nguồn thu (%)	env3	5.48	6.27	3.51	5.02	3.38	4.28	6.23
	Tổng cộng (điểm)		**50.02**	**50.29**	**50.54**	**51.22**	**51.52**	**52.49**	**53.22**

Nguồn: Tính toán của nhóm nghiên cứu

Khi xem xét đóng góp của ba chỉ số thành phần (khía cạnh) là KTXH và môi trường vào chỉ số chung về phát triển KT-XH của tỉnh Long An thì kết quả tại hình 2 cho thấy như sau:

Hình 2: Đồ thị về đóng góp của các chỉ số thành phần vào chỉ số phát triển KT-XH của Long An

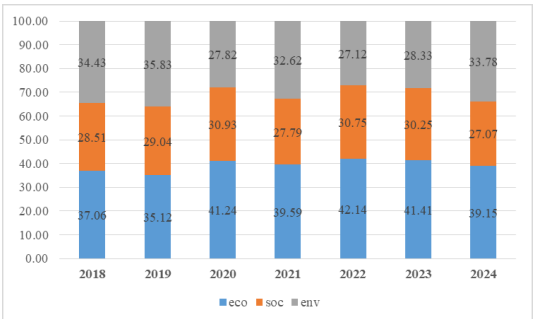

Nguồn: Tính toán của nhóm nghiên cứu

Trong giai đoạn 2018-2024, thành phần kinh tế là trụ cột đóng góp lớn nhất cho sự phát triển kinh

tế - xã hội (KT-XH) của tỉnh Long An, dao động từ 35,12% (2019) đến 42,14% (2022), với mức trung bình 39,39%/năm. Thành phần xã hội đóng góp ổn định hơn, dao động từ 27,07% (2024) đến 30,93% (2020), trung bình 29,19%/năm. Trong khi đó, thành phần môi trường có mức dao động rộng hơn, từ 27,01% (2022) đến 35,83% (2019), trung bình 31,42%/năm.

Chỉ số tổng hợp phát triển KT-XH (S^n) của Long An đạt trung bình 51,33 điểm, thuộc mức phát triển trung bình (50-65 điểm). Mặc dù tỷ trọng đóng góp giữa các lĩnh vực có biến động qua từng năm, song thành phần kinh tế luôn giữ vai trò chủ đạo, trong khi xã hội và môi trường luân phiên thay đổi vị trí thứ hai và thứ ba. Điều này cho thấy quá trình phát triển KT-XH của Long An vẫn phụ thuộc chủ yếu vào tăng trưởng kinh tế, trong khi các yếu tố xã hội và môi trường chưa tạo được tác động tương xứng, cần được chú trọng hơn để hướng tới phát triển cân bằng và bền vững.

5. Kết luận và hàm ý chính sách

Kết quả nghiên cứu xây dựng chỉ số tổng hợp đo lường mức độ phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) đã giúp đánh giá toàn diện thực trạng phát triển của tỉnh Long An giai đoạn 2018-2024, thay thế cách tiếp cận truyền thống chỉ dựa vào tốc độ tăng trưởng GRDP. Chỉ số này phản ánh bức tranh phát triển đa chiều, là công cụ hữu ích cho công tác thống kê và hoạch định chính sách cấp tỉnh. Kết quả cho thấy, Long An đạt mức phát triển trung bình, trong đó khía cạnh kinh tế đóng vai trò nổi bật nhất trong chỉ số tổng hợp, tiếp theo là môi trường và xã hội. Dù tỉnh đạt được nhiều thành tựu về tăng trưởng GRDP và thu hút đầu tư, nhưng vẫn tồn tại nhiều hạn chế như chất lượng nguồn nhân lực thấp, tỷ lệ đô thị hóa chậm, đào tạo nghề hạn chế và hiệu quả bảo vệ môi trường chưa cao. Những yếu tố này cho thấy Long An cần một chiến lược phát triển mang tính đồng bộ, cân bằng hơn giữa ba trụ cột phát triển.

Từ kết quả phân tích, nghiên cứu đề xuất một số hàm ý chính sách trọng tâm nhằm thúc đẩy phát triển KT-XH bền vững:

Thứ nhất, nâng cao chất lượng tăng trưởng và tái cơ cấu kinh tế. Tỉnh cần chuyển dịch cơ cấu theo hướng công nghiệp - dịch vụ hiện đại, chú trọng các ngành chế biến, công nghệ cao, tiết kiệm năng lượng và thân thiện môi trường. Việc lựa chọn dự án đầu tư phải có tiêu chí rõ ràng, hạn chế công nghệ lạc hậu gây ô nhiễm.

Thứ hai, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Cần đẩy mạnh liên kết giữa nhà trường và doanh nghiệp để đào tạo theo nhu cầu thực tế; mở rộng chương trình đào tạo lại và hỗ trợ tài chính cho học nghề, đặc biệt đối với lao động nông thôn. Đây là giải pháp cốt lõi để nâng cao năng suất lao động và sức cạnh tranh của tỉnh.

Thứ ba, đẩy mạnh phát triển đô thị và hạ tầng vùng. Với tỷ lệ đô thị hóa còn thấp, Long An cần quy hoạch phát triển đô thị thông minh, sinh thái, gắn kết với TP.HCM và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Các dự án giao thông trọng điểm như Vành đai 3, Vành đai 4, cao tốc Bến Lức - Long Thành cần được ưu tiên triển khai để mở rộng không gian phát triển.

Thứ tư, thúc đẩy tăng trưởng xanh và chính sách tài khóa môi trường. Tỉnh cần tăng tỷ lệ thu và sử dụng hiệu quả nguồn thu thuế môi trường cho đầu tư năng lượng tái tạo, xử lý rác thải và trồng rừng. Đồng thời, khuyến khích doanh nghiệp chuyển đổi công nghệ xanh thông qua ưu đãi thuế và tín dụng xanh.

Thứ năm, bảo đảm an sinh xã hội và giảm bất bình đẳng. Hoàn thiện hệ thống trợ giúp xã hội theo hướng "trao quyền", gắn kết đào tạo nghề với tạo việc làm, đặc biệt tại khu vực nông thôn; tăng đầu tư cho giáo dục, y tế, phúc lợi công, và số hóa dữ liệu quản lý hộ nghèo để theo dõi hiệu quả hơn.

Như vậy, việc lượng hóa trình độ phát triển KT-XH giúp Long An định hướng chiến lược phát triển bền vững, bảo đảm tăng trưởng kinh tế đi đôi với tiến bộ xã hội và bảo vệ môi trường - hướng tới mục tiêu trở thành tỉnh phát triển năng động của vùng vào sau năm 2025.

Tài liệu tham khảo:

Arrow, K. J. (1962). The economic implications of learning by doing. The Review of Economic Studies, 29(3), 155-173. https://doi.org/10.2307/2295952

Đỗ Thị Ngọc Mai và cộng sự (2021). Nghiên cứu xây dựng phương pháp biên soạn Chỉ số đánh giá trình độ phát triển KT-XH của Việt Nam . Nhiệm vụ cấp Bộ. - Tổng cục Thống kê, 05/2020 - 04/2021.

Harttgen, K., & Klasen, S. (2012). A household-based human development index. World Development, 40(5), 878-899.

Lucas, R. E. (1988). On the mechanics of economic development. Journal of Monetary Economics, 22(1), 3-42.

Maccari, N. (2014). Environmental sustainability and human development: A critical assessment of the Human Development Index. Sustainable Development, 22(4), 223-233. Nussbaum, M. C. (1997). Capabilities and human rights. Fordham Law Review, 66(2), 273-300.

Nussbaum, M. C. (2000). Women and human development: The capabilities approach. Cambridge University Press.

Nguyễn, Huy Lương. (2021). Phương pháp biên soạn chỉ số đánh giá trình độ phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam. Con số và sự kiện - no.3 - tr.38-45 - ISSN.2734-9136.

Nguyễn Hoài Thân. (2023). Vai trò của tỉnh Long An trong phát triển bền vững Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Tỉnh Ủy Long An.

Todaro, M. P., & Smith, S. C. (2020). Economic development (13th ed.). Pearson.

Sen, A. (1986). The standard of living. Cambridge University Press.

Sen, A. (1988). The concept of development. In H. Chenery & T. N. Srinivasan (Eds.), Handbook of development economics (Vol. 1, pp. 9-26). Elsevier.

Sen, A. (2000). Development as freedom. Oxford University Press

Solow, R. M. (1962). Technical change and the aggregate production function. The Review of Economics and Statistics, 39(3), 312-320. https://doi.org/10.2307/1926047

Quyết định số 288/QĐ-TTg ngày 28/2/2022 ban hành Khung đánh giá tình hình thực hiện mục tiêu phát triển KT-XH

Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII (2021). Chiến lược phát triển KT-XH 10 năm giai đoạn 2021-2030.